**BÀI 1. TẬP HỢP. PHẦN TỬ CỦA TẬP HỢP**

**( Tiếp theo)**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong tiết này HS:

- Biết cách cho/ viết một tập hợp theo những cách khác nhau.

**2. Năng lực:**

- Năng lực riêng: Biểu diễn một tập hợp theo những cách khác nhau.

- Năng lực chung:Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất:**

**-** Ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV:** SGK; Giáo án PPT ( đối với phần HĐKĐ: GV kiểm tra trắc nghiệm dưới dạng trò chơi trên PPT)

**2.HS** : Đồ dùng học tập; SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS nhớ và củng cố lại kiến thức của tiết học trước.

**b. Nội dung:** HS quan sát trên màn chiếu, đọc câu hỏi và giải đáp nhanh.

**c. Sản phẩm:** Từ bài toánHS nhớ lại và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chiếu Slide kiểm tra bài cũ các câu trắc nghiệm sau: (thời gian trả lời mỗi câu hỏi là 10s)

**Câu 1:** Cho B = {1; 2; 3; 4}. Chọn đáp án **sai** trong các đáp án sau?

A. 2 ∈ B

B. 5 ∈ B

C. 8 ∉ B

D. 3 ∈ B

**Câu 2:** Các viết tập hợp nào sau đây đúng?

A. A = [1; 2; 3; 4]

B. A = (1; 2; 3; 4)

C. A = 1; 2; 3; 4

D. A = {1; 2; 3; 4}

**Câu 3:** Viết tập hợp P các chữ cái khác nhau trong cụm từ: “NHÀ TRƯỜNG”

A. P = {N; H; A; T; R; Ư; Ơ; G}

B.  P = {N; H; A; T; Ư; Ơ; G}

C.  P = {N; T; R; Ư; Ơ; G}

D.  P = { A; T; R; Ư; Ơ; G}

**Câu 4:** Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn 5.

A. A = {1; 2; 3; 4}

B. A = {3; 4}

C. A = {2; 3; 4; 5}

D. A = {3; 4; 5}

**Đáp án:** 1 – B; 2 – D; 3 – A; 4 - B

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Đối với mỗi câu hỏi, HS đọc đề bài và có 10s suy nghĩ trả lời.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu tiếp về cách biểu diễn một tập hợp”.

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI ( 20 phút)**

**Hoạt động 3: Cách cho tập hợp ( 20 phút)**

**a. Mục đích:**

**+** Biết cách cho một tập hợp và sử dụng hai cách viết một tập hợp.

+ Củng cố cách viết các kí hiệu “” và “”.

**b. Nội dung:**

+ GV giảng, trình bày.

+ HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc hiểu nội dung trong SGK trong vòng 2 phút  - GV gợi ý cách đọc kí hiệu gạch đứng “|” là “ sao cho”, “trong đó”, “ thỏa mãn”,…  - GV phân tích cho HS qua ví dụ khác:  “B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10”  + GV gọi 1 HS biểu diễn tập hợp B dưới dạng liệt kê tất cả các phần tử của tập hợp B.  + GV giảng: Ngoài cách liệt kê tất cả các phân tử của tập hợp B, ta còn có thể viết B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}. Đây là cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử x của tập hợp B.  - GV cho HS rút ra nhận xét như trong (SGK trang 8).  - GV yêu cầu HS trao đổi, hoàn thành **Thực hành 2** vào vở và cho 2 HS lên chữa bài.  - GV cho HS làm **Thực hành 3** và yêu cầu 1 HS lên bảng làm ý a), b); 1 HS làm ý c).  - GV cho HS đọc, tìm hiểu mục “**Em có biết?**” và phân tích, giới thiệu thêm cách minh họa tập hợp bằng một vòng kín ( “ Sơ đồ Venn”).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, hoạt động cá nhân  - GV quan sát và trợ giúp các nếu HS cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS hoàn thành vở sau đó lên bảng trình bày.  - Một số HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV chốt lại đáp án và tổng quát lại 2 cách cho một tập hợp:  + Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp.  + Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp. | **3. Cách cho tập hợp**  **Ví dụ:** “B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10”  + B = {2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9}  + B = { x | x là số tự nhiên, 1< x < 10}.  *Nhận xét:*  a) Liệt kê các phần tử của tập hợp.  b) Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.  **Thực hành 2:**  a) E ={0; 2; 4; 6; 8}.  - Tính chất đặc trưng của tập hợp E là: E gồm các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10.  => E = { x | x là số tự nhiên chẵn và x < 10}.  b) P = { x | x là số tự nhiên và 10 < x < 20}.  P = { 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19}.  **Thực hành 3:**  a) A = {8, 9, 10, 11, 12, 13, 14}  b) 10 ∈ A; 13 ∈ A      16 ∉ A, 19 ∉ A  c)  Cách 1: B = {8, 10, 12, 14}.  Cách 2: B = { x | x là số tự nhiên chẵn, và 7 < x < 15}. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP ( 8 phút)**

**a) Mục đích:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập bài 2 và 3 (SGK trang 9)*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án*

**Bài tập 2.** B **=** {x|x là số tự nhiên lẻ và x>30)

Các khẳng định đúng là a) và c)

Các khẳng định sai là b) và d)

**Bài tập 3.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tập hợp cho bởi cách liệt kê phần tử** | **Tập hợp cho bởi tính chất đặc trưng** |
| H = {2; 4; 6; 8; 10} | H là tập hợp các số tự nhiên chẵn khác 0 và nhỏ hơn 11. |
| M = {1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15} | M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 15. |
| P = {11, 13, 15, 17, 19, 21} | P là tập hợp các số tự nhiên lẻ lớn hơn 9 và nhỏ hơn 22. |
| X = {Việt Nam; Lào; Campuchia; Thái Lan; Myanmar; Malaysia; Singapore; Indonesia; Brunei; Philippines; Đông Timor} | X là tập hợp các nước ở khu vực Đông Nam Á. |

**-** GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 7 phút)**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức

**b. Nội dung:** HS hoàn thành theo yêu cầu của GV

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hòan thành bài tập vận dụng :Bài 4 ( SGK trang 9)

- HS suy nghĩ và trình bày vào vở.

- GV yêu cầu 1 HS trình bày bảng.

**Bài 4:** Tập hợp T gồm tên các tháng dương lịch trong quý IV ( ba tháng cuối năm) :

T= { tháng 10 ; tháng 11 ; tháng 12}

Phần tử có số ngày là 31 là tháng 10 và tháng 12.

- HS nhận xét, bổ sung.

- GV đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm ( rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học( ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ ( 3 phút)**

- Hiểu và ghi nhớ hai cách cho một tập hợp.

- Vận dụng hoàn thành các bài tập: Bài 1,2,5 (SBT trang 7,8).

- Chuẩn bị bài mới: “ Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên